

1

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H3 - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Trần Minh L - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phùng Tuấn A; địa chỉ: Tổ dân phố I, thị trấn M'Đrăk, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phùng Tuấn A có ông Nguyễn Huy V; địa chỉ: 1 A, T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (giấy ủy quyền ngày 23-9-2024); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A: Luật sư Nguyễn Đình H4, văn phòng L1, đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

4. Người kháng cáo: ông Phùng Tuấn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung được tóm tắt như sau:

- Trong đơn khởi kiện ngày 14/8/2023, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 25/11/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Nguyễn Hữu H, ông Tống Quốc T, ông Tống Ngọc H1, ông Lê Văn T1, ông Lê Văn H2 và ông Lê Văn D cùng trình bày:

Quyền sử dụng thửa đất số 52, tờ bản đồ số 82, diện tích 3.698,8m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc là của ông Bùi Văn H5; hướng Tây của thửa đất số 52 liền kề với con đường đất rộng khoảng 3,5m; chiều dài 175,93m; đây là con đường liên thôn, mà 06 hộ gia đình các ông sử dụng ổn định từ trước năm 2000; do bị ông H5 lấn chiếm nên vào năm 2003, 06 hộ gia đình các ông góp tiền mở con đường để đi lại. Năm 2018, ông Bùi Văn H5 chuyển nhượng thửa đất số 52 cho ông Nguyễn Văn T2, bà Võ Thị P và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 723643 cho ông T2, bà Phước vào ngày 05/7/2018. Tháng 8/2018, ông T2 chuyển nhượng thửa đất số 52 cho ông Bùi Văn P1. Năm 2019, ông P1 chuyển nhượng thửa đất số 52 cho bà Vi Thị D1. Năm 2020, bà D1 chuyển nhượng thửa đất số 52 cho ông Phùng Tuấn A, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, đăng ký quyền sử dụng đất cho ông Tuấn A vào ngày 21/01/2020. Năm 2020, ông Tuấn A vác máy khoan ra khoan vào con đường đang đi, rào chắn con đường và xây dựng nhà ở trên con đường nêu trên, không cho gia đình các ông đi lại trên con đường này. Các ông (các nguyên đơn) đã làm đơn khiếu nại yêu cầu UBND xã E giải quyết. Sau khi chính quyền địa phương xem xét giải quyết, các ông biết được việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T2, bà Võ Thị P, đối với thửa đất số 52 đã chồng lấn lên con đường liên thôn liền kề với thửa đất số 52. Vì vậy, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 723643, do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk** cấp cho ông **Nguyễn Văn T2**, bà **Võ Thị P** vào ngày 05/7/2018, đối với thửa số 52, tờ bản đồ số 82, tại **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, được đăng ký biến động quyền sử dụng đất cho ông **Phùng Tuấn A** vào ngày 21/01/2020.

- *Đại diện của người bị kiện **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk** trình bày:*

Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 82, diện tích 3.698,8m², trong đó có 140m² đất ở, tại địa chỉ **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, có nguồn gốc thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 45, diện tích 4.038m², thuộc quyền sử dụng đất của ông **Bùi Văn H5**, đã được **UBND huyện K** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/6/2006. Tháng 6/2018, ông **H5** làm thủ tục tách thửa đất số 100, thành 02 thửa, là thửa đất số 51 và thửa đất số 52, tờ bản đồ số 82. Ngày 12/6/2018, ông **H5** chuyển nhượng thửa đất số 52, tờ bản đồ số 82, cho ông **Nguyễn Văn T2** và bà **Võ Thị P**. Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên, ngày 05/7/2018, **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **T2**, bà Phước đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 82 là đúng với quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 79 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Tháng 8/2018, ông **T2** và bà Phước chuyển nhượng thửa đất số 52 cho ông **Bùi Văn P1**. Năm 2019, ông **P1** chuyển nhượng thửa đất số 52 cho bà **Vi Thị D1**. Năm 2020, bà **D1** chuyển nhượng thửa đất số 52 cho ông **Phùng Tuấn A**. Hiện nay, ông **Phùng Tuấn A** đang thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 52, cho **Ngân hàng N - Phòng G** để vay vốn. Việc 06 người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông **T2**, bà Phước đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Phùng Tuấn A** trình bày tại văn bản ngày 06-01-2023 (BL 79):*

Ngày 20/01/2020, ông **A** ký hợp đồng với bà **Vi Thị D1**, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 52, tờ bản đồ số 82, diện tích 3.698,8m² tại **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. Năm 2022 do có đơn kiện tranh chấp nên ông nhờ người có chuyên môn về địa chính đo đạc diện tích trên thực địa, chi tiết về ranh giới đối với thửa đất số 52. Kết quả đo đạc không bị chồng lấn, đến đường đi và ranh thửa của các hộ liền kề. Chứng tỏ việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất trước đây của **Sở T** là đúng với hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông hiện nay.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2024/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Hữu H**, ông **Tổng Quốc T**, ông **Tổng Ngọc H1**, ông **Lê Văn T1**, ông **Lê Văn H2** và ông **Lê Văn D**.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 723643, do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk** cấp cho ông **Nguyễn Văn T2**, bà **Võ Thị P** vào ngày 05/7/2018, đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 82, tại **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, được Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện K**, đăng ký biến động quyền sử dụng đất cho ông **Phùng Tuấn A** vào ngày 21/01/2020.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 14-6-2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phùng Tuấn A** kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 14-8-2024 người kháng cáo có đơn giải trình bổ sung nội dung kháng cáo: nêu lý do kháng cáo là Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thời hiệu khi thụ lý giải quyết vụ án hành chính mà Giấy chứng nhận đã được cấp năm 2018 cho ông **T2** bà Phước; tuyên huỷ một quyết định hành chính không còn tồn tại, bởi Giấy chứng nhận QSD đất đã đứng tên ông **Phùng Tuấn A**; bản án sơ thẩm tự ghi thêm nội dung trình bày của ông **Phùng Tuấn A** không đúng như ông **A** trình bày. Con đường đi vẫn còn hiện hữu trên thực tế, không có sự thay đổi, các công trình liền kề của các hộ dân đã xây dựng kiên cố ổn định, con đường đã được nhà nước bê tông hoá vẫn không thay đổi. Người khởi kiện trình bày con đường rộng 3,5m là không có cơ sở, không có chứng cứ thể hiện rộng bao nhiêu.

Ngày 16-8-2024 người đại diện **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk** có văn bản gửi Tòa án cấp phúc thẩm với nội dung việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 723643, **Sở T** không thể thực hiện được khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo, cho rằng ông **Phùng Tuấn A** không có trình bày nội dung “*Vì vậy, ông đã rào chắn phần đất sát con đường liền kề ở hướng Tây của thửa đất, cho đủ với diện tích được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” như bản án sơ thẩm nêu. Việc có lấn chiếm đất hay không thì theo chính đơn khởi kiện của những người khởi kiện đã trình bày là diễn ra từ năm 2003 giữa ông **H5** với những người giáp đường đi. Con đường đã được nhà nước bê tông hoá, còn nguyên vẹn cho mọi người đi lại, ông **Tuấn A** không có khoan lấn chiếm đường đi, mà chỉ làm hàng rào sát đường do con đường đã bị bên phía ông **H** và các hộ phía sau xây dựng sát đường; việc này gây nên tranh chấp thì đây là tranh chấp dân sự; Giấy chứng nhận QSD đất **Sở TNMT** cấp cho ông **T2** năm 2018, không có đất tranh chấp giáp với các Hộ khởi kiện, không lấn chiếm chồng lên con đường đi đã được bê tông hoá, mà lấy

nguyên ranh giới đã được xác định từ trước đó. Trước đó, thửa 52 cũng đã được cấp Giấy chứng nhận từ rất lâu cho các Chủ đất sử dụng, ranh giới thửa đất được cấp Giấy chứng nhận không thay đổi qua các lần thay đổi Chủ, vẫn thể hiện giáp liền kề đường đi giao thông nông thôn, nên không sai.

Ông **Tổng Quốc T** có đơn kiến nghị bổ sung gửi Tòa án cấp phúc thẩm với nội dung: con đường tranh chấp có từ năm 1998 (đường nhà nước), sau bị ông **H5** lấn thì ông **T** và ông **H** cùng thoả thuận mở rộng đường vào năm 2003. Nay con đường này ai cũng coi là của mình, không những tranh chấp với ông **Tuấn A** mà còn tranh chấp với nhau, người nay cấm người kia đi lại; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk** trình bày ý kiến: việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **T2**, sau này chuyển nhượng cho ông **Tuấn A**, không có ranh giới tranh chấp giáp với các hộ dân khởi kiện, phần đất mà những người khởi kiện tranh chấp cho rằng cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông **T2** chồng lên đất của mình là đất hành lang bảo vệ đường giao thông nông thôn; phần giáp ranh ở hướng khác với các hộ dân khác thì không có tranh chấp và khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đã có ký giáp ranh rõ ràng. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 723643 đang được ông **Tuấn A** thế chấp vay vốn Ngân hàng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm việc với Ngân hàng để xác minh làm rõ; do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 723643 thì **Sở T** không thể thực hiện được.

Đại diện người khởi kiện cho rằng con đường là của 06 hộ dân khởi kiện tự mở, ông **T2** và sau này là ông **Tuấn A** lấn đường mở rộng diện tích đất để được **Sở TN-MT** cấp Giấy chứng nhận nên cần phải huỷ Giấy chứng nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Những người khởi kiện khởi kiện huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 723643, do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk** cấp cho ông **Nguyễn Văn T2**, bà **Võ Thị P** vào ngày 05/7/2018, đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 82, tại xã **E**, huyện **K**,

tỉnh Đắk Lắk; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông T2 bà Phước vào tham gia tố tụng, không thu thập bản tự khai là thiếu sót.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 723643 hiện nay đã được chỉnh lý sang tên cho ông Phùng Tuấn A, ông A đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng. Trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại T3 bổ sung số 01, có nội dung thể hiện đăng ký Thế chấp ngày 11-02-2020. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 52:

Bà Đinh Thị H6 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 328223 ngày 27-11-2001 thửa 100 tờ bản đồ số 45 diện tích 8075m²; trong đó có 400m² đất ở và 7675m² đất cây lâu năm.

Năm 2006, bà H6 tách thửa đất thành thửa 100 và thửa 100a; tặng cho ông Bùi Văn H5 thửa 100 tờ bản đồ số 45 có diện tích 4038m² (có 200m² đất ở). Ông Bùi Văn H5 được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/6/2006. Tháng 6/2018, ông H5 làm thủ tục tách thửa đất số 100 thành 02 thửa, là thửa đất số 51 và thửa đất số 52 tờ bản đồ số 82; Thửa đất số 52 khi được tách thửa có diện tích 3.698,8m². Ngày 12/6/2018, ông H5 chuyển nhượng thửa đất số 52, tờ bản đồ số 82, cho ông Nguyễn Văn T2 và bà Võ Thị P. Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên, ngày 05/7/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2, bà Phước, đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 82 theo đúng diện tích nhận chuyển nhượng.

Tại Biên bản kiểm tra xác minh hiện trạng sử dụng đất ngày 06-6-2018 (b/ 138, 139) để lập thủ tục tách thửa cho ông Bùi Văn H5, thì xác định ở phía Tây và phía Bắc đều giáp với đường đi, phía Đông giáp với ông Nguyễn Văn H7 và phía nam giáp với ông Bùi Văn P1, ranh giới sử dụng ổn định không có tranh chấp, được ông H7 và ông P1 ký xác nhận ranh giới. Xác định diện tích tăng lên 114 m² là do đo đạc lại chính xác theo hiện trạng, không có thay đổi ranh giới. Như vậy, diện tích tăng lên đã được xác định là do đo đạc, không phải do lấn chiếm và không ảnh hưởng đến những chủ sử dụng đất liền kề khác; nay diện tích thực tế sử dụng của ông A thiếu 24m² là do quá trình sử dụng đất của người sử dụng đất, chứ không phải do việc cấp Giấy chứng nhận sai diện tích, chưa có cơ sở để xác định có chồng lấn đất của những người khởi kiện, ông A cũng không có ý kiến gì về việc thiếu đất. Trường hợp thực tế thiếu đất thì ông A có thể đăng ký xin điều chỉnh với cơ quan có thẩm quyền để đính chính lại diện tích.

Trong đơn khởi kiện, những người khởi kiện cho rằng vào năm 2003 ông H5 đã có hành vi lấn chiếm đất đường đi. Tuy nhiên, đất đường đi thuộc sự quản lý của nhà nước thì đương nhiên phải có sự xác định vi phạm sử dụng đất của Chính quyền địa phương; trong khi năm 2006 thì ông H5 vẫn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau đó qua nhiều lần biến động vẫn được Chính

quyền địa phương lập thủ tục chuyển quyền và cấp Giấy chứng nhận cho các Chủ đất mới và lập biên bản xác định ranh giới đất sử dụng không thay đổi.

[3] Về quyền sử dụng đất liên quan lối đi (đường giao thông nông thôn).

Từ khi ông H5 sử dụng đất tách thửa 100 thành thửa 51 và 52 thì đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích chuyển nhượng từ ông H5 sang ông Tài bà P2; rồi ông T2 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn P1, ông P1 chuyển nhượng cho bà Vi Thị D1; năm 2020 bà D1 chuyển nhượng lại cho ông T4 thì diện tích không thay đổi. Như vậy, khi cấp Giấy chứng nhận cho ông H5 thì không có thay đổi ranh giới, hiện trạng lối đi vẫn thể hiện trên các tờ bản đồ và trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tuấn A và ông Nguyễn Hữu H (lối đi ở giữa hai thửa đất).

Đối với con đường, đoạn liên quan tranh chấp đã được trải bê tông và hiện nay vẫn còn nguyên, hai bên đường đã được các chủ sử dụng đất làm hàng rào sát lề đường. Khi thửa đất 100 cấp cho ông H5 có nguồn gốc từ bà Đinh Thị H6 cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/11/2001 cũng đã thể hiện con đường. Phần đất ông H phía đôi diện cũng được cấp Giấy chứng nhận năm 2011 cũng thể hiện có con đường. Như vậy, thửa đất mà ông T4 đang sử dụng hiện nay có tranh chấp không liên kề với chủ sử dụng đất nào mà liền kề với con đường. Con đường đi này đã được Nhà nước thừa nhận, thể hiện trên bản đồ địa chính từ rất lâu, khi bà H6 được cấp Giấy chứng nhận đã thể hiện và đã đổ bê tông làm đường giao thông nông thôn, nên đây là đường đi chung do nhà nước quản lý, do đó đương nhiên đất cũng thuộc phạm vi do nhà nước quản lý. Việc sử dụng phần đất giáp đường giao thông, thì dù có được cấp Giấy chứng nhận hay không thì các Chủ sử dụng đất phải có nghĩa vụ sử dụng đất trong ranh giới hành lang giao thông đường bộ. Trong hành lang này, người sử dụng đất vẫn có thể được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, nhưng việc sử dụng phải theo đúng quy định về đất hành lang giao thông theo quy định Điều 157 Luật đất đai 2013. Tuy nhiên, phạm vi đất hành lang giao thông này chưa được cắm mốc xác định, chưa được chính quyền địa phương xác định và công bố; đồng thời theo hiện trạng thì đều đã có các vật kiến trúc xây dựng sát lề hai bên con đường.

Những người khởi kiện cũng chưa chứng minh được đã hiến đất mở rộng đường đi là bao nhiêu; bề ngang mặt đường lối đi cũ là bao nhiêu, nhưng hiện nay đường đi đã được đổ bê tông 03m ở đoạn liên quan tranh chấp, đoạn nối tiếp phía sau chưa xác định, bên phía ông H cũng đang sử dụng đất sát lề đường. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh làm rõ với các Cơ quan quản lý đất đai ở địa phương để xác định lòng đường giao thông nông thôn liên quan tranh chấp này là bao nhiêu mét bề ngang, để từ đó xác định số đo phần đất hành lang an toàn giao thông nông thôn theo quy định. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh làm rõ quá trình sử dụng đất của những người khởi kiện, để làm rõ sự biến động về diện tích đất của họ, để từ đó xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T2, bà Phước có phần diện tích ảnh hưởng chồng lấn đến diện tích đất của những ai không.

Ngoài ra, khi thụ lý lại vụ án, cần xem xét thu thập bổ sung các tài liệu chứng cứ theo lời khai của những người khởi kiện cho rằng năm 2020 khi tranh chấp và khiếu nại giải quyết thì mới biết đất tranh chấp đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nội dung ý kiến tham gia của đại diện người khởi kiện tại Biên bản lập ngày 19-10-2021 và Văn bản 1469/UBND-VP ngày 12-10-2021 của UBND huyện K có nội dung nhận được đơn của những người khởi kiện đề nghị giải quyết tranh chấp và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng hiện trạng; trên cơ sở đó xem xét về thời hiệu theo quy định pháp luật.

[4] Từ các nhận định trên, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và có nhiều nội dung chưa được làm rõ, cần phải tiếp tục thu thập chứng cứ và xác minh. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án hành chính sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định pháp luật.

Về án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xác định lại khi vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Án phí phúc thẩm ông **Phùng Tuấn A** không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Huỷ Bản án hành chính phúc thẩm số 87/2024/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

2. Chuyển giao Hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xác định lại khi vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm ông **Phùng Tuấn A** không phải chịu; hoàn trả cho ông **Phùng Tuấn A** tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012922 ngày 24-6-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Tấn Long

